

VÀI NÉT VỀ ĐẶC TRƯNG VĂN HOÁ

dân tộc Cao Lan

LÂM QUÝ

Cao Lan là một tộc người thiểu số, dân số ước tính đến những năm đầu thế kỷ XXI có trên 120 nghìn người, sống thành từng bản làng, đan xen với các tộc khác rải rác trong các tỉnh: Tuyên Quang, Yên Bái, Phú Thọ, Vĩnh Phúc, Thái Nguyên, Bắc Giang, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Hoà Bình....

Theo các tài liệu đã xuất bản viết về tộc người này, từ đầu thế kỷ XX đến nay, của các nhà nghiên cứu dân tộc học trong và ngoài nước cùng các gia phả, tộc phả, sách cúng, sách hát ví (viết bằng chữ Hán Nôm Cao Lan)... thì tộc người Cao Lan có nguồn gốc từ vùng Hoa Nam, nay thuộc các tỉnh Quảng Đông, Quảng Tây (Trung Quốc). Vì lý do loạn lạc lúc giao thời giữa triều đại nhà Minh và nhà Thanh, các thế lực phong kiến tranh giành quyền lực, đất đai làm cho dân chúng bản cùng khổ ải. Trong khi đó, đất nước Việt (xưa), cách nay từ 300 đến 400 năm, thanh bình, nên một bộ phận tộc người Cao Lan cùng một số tộc người khác như Sán Dìu, Sán Chí... đã di cư sang Việt Nam tìm đất sinh sống, song đi đến đâu, ở đâu, tộc người này vẫn giữ bản sắc văn hoá riêng của mình.

Bản sắc văn hoá hay là đặc trưng văn hoá Cao Lan vẫn nằm trong khái niệm

chung, là văn hoá vật thể và văn hoá phi vật thể của một cộng đồng tộc người. Có lẽ tộc người Cao Lan (tên chính thức trong văn bản Nhà nước gọi là Sán Chay) được hình thành trong thời kỳ giao thời giữa nền văn minh gắn với cây lúa cạn và cây lúa nước, nên đặc điểm tâm lý canh nông của họ có gốc từ phương thức vừa làm ruộng vừa làm nương. Trong một bức tranh thờ thời cổ (hiện vẫn còn) dài tới 4 mét gọi là "Dẫn lộ hương", tiếng Cao Lan là "Đun dinh lù" (đường dẫn hồn người chết về cố hương) vẽ hình ảnh tới ngũ cấp đồng điền (5 cấp đồng ruộng) xen với núi đồi, nương rẫy... Hoạ sĩ dân gian thể hiện khá rõ nét về đặc điểm nơi cư trú và phương pháp canh nông của người Cao Lan thời xưa. Vì vậy, khi di cư đến địa điểm mới, họ đều chọn nơi ở vừa có đồi núi để phát nương rẫy, vừa có đất bằng để khai khẩn thành ruộng lúa nước. Khác với một số tộc Mông, Dao, Khơ Mú... thích ở vùng núi cao.

Người Cao Lan ở nhà sàn, giống như nhà sàn của người Tày, người Thái, nhưng bài trí trong nhà và cầu thang lên nhà hoàn toàn khác. Cầu thang có hai nấc: Nấc một có từ 3 đến 5 bậc bước lên sàn nghỉ (người Kinh gọi là chiếu nghỉ) rộng chừng 4 - 5 m², 2 - 3 bậc

nửa bước vào cửa, cộng là 7 bậc. Vào cửa lại còn một nấc sàn bằng cây tre, mai già ghép lại dài quá nửa chiều ngang ngôi nhà, rộng chừng 1,5 m là nơi để ống đựng nước, chậu nước để rửa mặt, chân tay trước khi bước lên sàn nhà chính (gọi là gian chái cuối). Gian đầu đặt bếp lửa nấu nướng. Gian thứ 2 là nơi sinh hoạt ngủ nghỉ của đàn bà (có buồng ngủ cho con gái hoặc con dâu). Gian thứ 3 là nơi sinh hoạt ăn uống. Gian thứ 4 để tiếp khách, ngủ nghỉ của đàn ông. Gian thứ 5 đặt bàn thờ gia tiên. Gian thứ 6 hẹp hơn, được thiết kế cao hơn một bậc (20cm), là nơi thờ thần bảo gia tức thần hương hoả, gọi là "Ham - mang dinh vú" và để các loại đồ thờ, sách cúng gọi là lán (gian chái đầu nhà). Như vậy, ngôi nhà sàn của người Cao Lan có 5 gian 2 chái hoặc 3 gian 2 chái, có cầu thang lên ở cuối nhà mà không lên ở đầu nhà như của một số tộc người khác. Công trình phụ kèm theo phải có sàn phơi (không phải sân phơi), phía bên trước nhà có một ngôi nhà phụ, bố trí vuông góc, gọi là nhà kho; bên dưới có chuồng trâu bò, gia cầm. Đây là một đặc trưng văn hoá vật thể của người Cao Lan.

Về trang phục: Người đàn ông Cao Lan mặc quần áo không có gì đặc biệt, hoàn toàn giống như đàn ông các tộc khác: Tày, Thái, Dao, Sán Dìu... mũ nồi, áo chàm, quần nâu. Có thời, các cụ ông để tóc dài búi tó, đội khăn xếp, áo the đen, túi đựng thuốc lá, thuốc súng kíp... Phụ nữ Cao Lan (cách nay hơn 100 năm) mặc áo váy chàm, gọi là "Pù dân dinh", áo bươm bướm, đầu đội khăn chàm không thêu thùa nhiều hoa văn và đắp những mảnh vải khác màu vào áo váy như phụ nữ Mông, Dao, Pà Thẻn... Tóc búi ngang sau gáy có cài châm ngà, một chiếc khăn chàm dài tới hơn 2m, vắt đoạn giữa lên trán, luồn hai đầu qua gáy rồi vắt lại ở trán, sau đó lật hai đầu khăn về phía sau để che lấy búi tóc (nếu là con gái chưa có chồng). Phụ nữ có chồng rồi thì búi tóc cụp xuống gáy, tuy vẫn vắt khăn như vậy (đây có thể là một tín hiệu tế nhị phát đi với người đời). Áo tứ thân đóng cúc ở nách, áo và váy dài đến ngang bụng, chân cuốn xà - cạp trắng. Lưng thắt hai dải lụa hồng và xanh lơ buông dài phía trước ngang bằng gấu váy. Đồ trang sức

đeo từ 1 - 3 vòng cổ, tay đeo 1 - 2 vòng, có chùm dây xà - tích, tất cả đều bằng bạc. Đến nay, phụ nữ Cao Lan mặc áo nổi thân, từ hai tay áo đến giữa ngực và lưng là màu hồng, đỏ, phần dưới áo là màu chàm hoặc đen, hình thức này so với thời xưa đã tăng thêm sự hài hoà đẹp mắt hơn.

Về văn hoá phi vật thể

* Tiếng nói của người Cao Lan hiện nay khá phức tạp. Cùng một thời điểm họ phải dùng tới 3 thứ tiếng (3 loại ngôn ngữ): Tiếng nói hàng ngày (tiếng Cao Lan) theo nhóm ngôn ngữ Tày - Thái; tiếng Cao Lan cổ dùng trong cúng bái và hát ví dân ca (Sịnh ca) lại thuộc hệ Hán - Tạng (thổ ngữ Quảng Đông Trung Quốc); tiếng phổ thông dùng trong giao tiếp với các tộc khác.

Thứ tiếng Cao Lan cổ hầu như lớp trẻ (dưới 30 tuổi) không còn biết, trừ một số ít người theo học chữ Nho để cúng bái. Tiếng nói hàng ngày đủ vốn từ để giao tiếp những thông tin trong cộng đồng với nhau. Đến nay, hầu hết trẻ em từ 5 tuổi trở lên, đều đã biết nói tiếng phổ thông. Đây là một điều kiện rất thuận lợi cho việc trẻ em đến tuổi vào học lớp 1 phổ thông. Một số tộc người vùng cao khác trẻ em không biết tiếng phổ thông khi vào học lớp 1.

* Người cao Lan không có chữ viết riêng. Song, từ xa xưa, tộc người này đã sử dụng chữ Hán để biến âm, phiên Nôm thành chữ Hán - Nôm Cao Lan, giống như chữ Hán - Nôm tộc Kinh, tộc Tày. Người biết chữ Hán giỏi không thể đọc hiểu đúng nghĩa văn bản chữ Hán - Nôm Cao Lan. Tỷ lệ người biết đọc chữ Hán - Nôm Cao Lan trong cộng đồng rất ít, chỉ chiếm 5 - 10% (ở tầng lớp thầy cúng và các học trò (đạo tràng) của thầy). Đến nay tỷ lệ người biết chữ phổ thông là rất cao 90 - 95%, số mù chữ chỉ còn ở những người 70 - 80 tuổi.

* Văn nghệ dân gian như: Hát ví (Sịnh ca) - tức dân ca, dân vũ (các điệu múa dân gian) cũng rất phong phú. Có thể nói đây là một tộc người rất yêu ca múa. Riêng về dân ca, dân vũ, là người chính gốc Cao Lan đã trải qua vài chục năm học tập, sưu tầm, nghiên cứu về nền văn hoá này đã có vài tập sách xuất bản trong nước ta, tôi thấy rằng: Về văn hoá Cao Lan nói chung, dân ca Cao Lan nói

riêng, khác biệt so với các tộc khác là: Hát có nguồn gốc, hát có bài bản, hát để hiểu lịch sử tộc người mình, về cảnh quan quê hương đất nước mình..., sau đó mới đến hát ví giao duyên nam nữ. Đối tượng hát phải là thanh niên nam nữ chưa vợ chưa chồng. Còn những người đã có gia đình cho đến tuổi già chỉ là "cố vấn" dẫn hát, không hát đối, hát ví với nhau. Tuy nhiên, có những đôi tình nhân cũ khi gặp nhau họ cũng hát nói vài câu bày tỏ tâm tình hoặc tiếc nuối, trách nhau... Hát có nguồn gốc: Người Cao Lan có một vị nữ thần thơ ca tên là Nàng Lau Slam được toàn cộng đồng tôn thờ sùng ái. Họ truyền rằng, toàn bộ lời hát bằng thể thất ngôn tứ cú (thơ 4 câu 7 chữ) đều là của vị nữ thần thi ca này sáng tạo ra truyền lại cho đời sau, hát 36 đêm không hết "Slam rợp lộc di sinh mù công". Hiện nay, trong cộng đồng còn lưu giữ được 9 đến 12 tập sách hát (9 - 12 đêm hát); mỗi đêm hát có một nội dung riêng. Còn rất ít người (nghệ nhân) còn nhớ, còn biết tới các đêm hát này... Đây cũng là một dạng thức đặc trưng của văn hoá Cao Lan.

Trong văn hoá Cao Lan, còn có các điệu múa được đệm bằng nhạc kèn, trống tang sành như: Múa khai đèn, múa dâng hương, dâng hoa, múa phát lối mở đường/Hai tao xá lù, múa xúc tép/sọc cộng, múa đôi chim cu ân ái/Lồng nộc lau, còn gọi là múa đôi cánh chim cu, múa bầy tình nhân/Sau vênh, nghĩa là thu người yêu về với mình, múa giã cối... Đây là một số điệu múa dân gian hấp dẫn, độc đáo đã được nhiều đoàn nghệ thuật Trung ương và địa phương khai thác, biểu diễn và đoạt được các giải thưởng, huy chương vàng, bạc...

Hệ thống tín ngưỡng thờ cúng, ma chay, sách cúng... với nội dung chương trình cúng, các bài cúng, hình thức cúng bái tôn thờ Thần Phật cũng có nét riêng theo quan niệm tín ngưỡng của họ. Trong văn

hoá tín ngưỡng Cao Lan còn có các bộ tranh thờ mang đậm màu sắc nghệ thuật dân gian.

Qua giới thiệu vài nét cơ bản về đặc trưng văn hoá của tộc người Cao Lan, với ý thức giữ gìn bản sắc văn hoá cho các tộc người thiểu số ở Việt Nam, chúng tôi mong Nhà nước và địa phương khẩn trương xây dựng kế hoạch, đề xuất những dự án cụ thể và khả thi cho từng địa phương về bảo tồn, phát huy lâu dài những giá trị văn hóa của tộc mình cho hậu thế, bởi "mất văn hoá là mất dân tộc"./.

L.Q



Trang phục của người Cao Lan ở Vĩnh Phúc - Ảnh: TL. Ban QLDT Vĩnh Phúc